

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 16- 6- 2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố D tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2020/QĐS-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1972; thường trú: khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1972; thường trú: khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn Q sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số quyền số 18, cấp ngày 09/9/1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, anh Q thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập và nhảu tin đe dọa chị H

vì vậy mà thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân khoảng gần 01 năm nay nên nguyên đơn xác định không còn tình cảm với chồng, yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung, tên Vũ Tiến Đ, sinh ngày 14/9/1991 và Vũ Văn T, sinh ngày 10/3/1993, hiện hai cháu đang sống cùng bị đơn. Các con đều đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Vũ Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 02 năm 2020 anh trình bày:

Anh Q thống nhất với chị Trần Thị H về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn cũng như thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do người khác xúi giục, chị H mê tín dị đoan không tin tưởng gia đình. Nay chị H yêu cầu được ly hôn, anh Q trình bày do anh Q theo đạo thiên chúa nên không thể ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung, tên hai người con chung, tên Vũ Tiến Đ, sinh ngày 14/9/1991 và Vũ Văn T, sinh ngày 10/3/1993. Các con đều đã trưởng thành, bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 27/5/2020 và ngày 16/6/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 1990 chị Trần Thị H và anh Vũ Văn Q tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn quyển số 18, cấp ngày 09/9/1990 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2.2] Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai người không hợp tính tình, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, bị đơn thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập và đe dọa nguyên đơn. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho chồng cũng phai nhạt dần. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bị đơn đối với nguyên đơn thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[2.3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn Q có hai con chung tên Vũ Tiến Đ, sinh ngày 14/9/1991 và Vũ Văn T, sinh ngày 10/3/1993 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H về việc tranh chấp ly hôn với anh Vũ Văn Q.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn Q (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số quyền số 18, cấp ngày 09/9/1990, của UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình).

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039994 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố D (1);
- Chi cục THADS thành phố D (1);
- UBND xã Q, h Q (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Quân**